TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2019/HS-PT
Ngày 04 tháng 4 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Ông Trần Xuân Minh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 693/2018/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Hà Thị Ánh S, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 376/2018/HSST ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Hà Thị Ánh S, giới tính: Nữ, sinh ngày 18/10/1978 tại Thành phố Hà Nội; Thường trú: tổ dân phố T, phường T1, quận B, Thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Không ổn định; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: nguyên nhân viên Công ty cổ phần quốc tế P; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Hà Công Th và bà Nguyễn Thị X; Hoàn cảnh gia đình: Có chồng là Lê Quốc Kh và 01 con (với chồng trước, đã ly hôn, sinh năm 1997); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 26/12/2016, (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Đoàn Huy H – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Bị hại:* Công ty cổ phần quốc tế P (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T3, xã P, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

(Trong vụ án, bị hại và 12 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7/2014, Hà Thị Ánh S được Công ty cổ phần T tuyển dụng làm nhân viên kinh doanh kiêm hành chính và quản lý kho (Hợp đồng lao động số 18.09/HĐLĐ-TSG ngày 18/7/2014). Công ty giao nhiệm vụ cho bị cáo S: quản lý thị trường miền Nam, phụ trách chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (chịu trách nhiệm toàn bộ trong việc đôn đốc, thu hồi công nợ; phụ trách và trực tiếp giao dịch bán hàng, quản lý toàn bộ hàng hóa nhập, xuất, tồn kho của công ty; quản lý toàn bộ công tác hành chính nhân sự của chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh). Đến tháng 4/2016, Công ty cổ phần T sáp nhập vào Công ty cổ Phần Inox Th và đổi tên thành Công ty cổ phần quốc tế P (sau đây gọi là Công ty P), ngành nghề kinh doanh thép không gỉ (Inox), do ông Nguyễn Hùng C là người đại diện theo pháp luật. Sau khi sáp nhập công ty, vai trò, nhiệm vụ của Hà Thị Ánh S vẫn không thay đổi.

Trong quá trình làm việc tại Công ty P, thấy việc kinh doanh thép không gỉ lợi nhuận cao, nên dù vẫn làm việc tại Công ty P, nhưng Hà Thị Ánh S vẫn thành lập công ty riêng lấy tên Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thép Đ (sau đây gọi là Công ty Thép Đ) và nhờ bà Trần Thị Hằng Ng đứng tên làm chủ sở hữu và là người đại diện theo pháp luật, với mục đích nhập hàng của Công ty P về bán kiếm lời.

Thời gian đầu, việc kinh doanh thuận lợi nên Hà Thị Ánh S vẫn nộp tiền và báo cáo đầy đủ về Công ty P. Sau đó, các khách hàng của Công ty Đ không thanh toán đúng hạn và nhiều khách hàng nợ số tiền lớn không trả, nên S phải vay tiền với lãi suất cao chuyển trả Công ty P để giữ uy tín và duy trì hoạt động của Công ty Đ dẫn đến mất khả năng thanh toán. Thấy Công ty P có nhiều sơ hở trong quản lý bán hàng, phần lớn chỉ cần gọi điện thoại xin ý kiến Ban giám đốc công ty là xuất được hàng, chứng từ sẽ hoàn thiện sau, không cần thực hiện đầy đủ các quy trình đã quy định nên từ tháng 01/2016 đến tháng 8/2016, bị cáo S đã tự ý lấy hàng không có lệnh xuất hàng, hoặc lấy danh nghĩa những khách hàng có uy tín của của Công ty P để bán hàng và thu tiền của khách nhưng không thông báo về công ty, không nộp tiền hoặc chỉ nộp một phần.

Sau khi Công ty P phát hiện, kiểm kê xác định số tiền thất thoát, ngày 09/11/2016, ông Nguyễn Hùng C có đơn tố cáo gửi đến Cơ quan điều tra, còn bị cáo S bỏ trốn khỏi nơi cư trú, đến ngày 26/12/2016 thì bị cáo đến Cơ quan điều tra đầu thú.

Quá trình điều tra thể hiện:

- Để che giấu Công ty P, bị cáo Hà Thị Ánh S đã làm giả các hợp đồng kinh tế và lệnh xuất hàng như:

+ Hợp đồng kinh tế số XND0205/PA ngày 02/5/2016 bán cho "cơ sở G"; địa chỉ: Hương Lộ 2, B, Thành phố Hồ Chí Minh; do Nguyễn Tuấn H làm đại

diện; mặt hàng Inox chủng loại 410, số lượng 41.974 kg, giá trị 1.125.555.500 đồng.

+ Hợp đồng kinh tế số XND0106/PA ngày 01/6/2016 bán hàng cho "anh D", địa chỉ: Hương Lộ 65, B, Thành phố Hồ Chí Minh; mặt hàng Inox chủng loại 410, số lượng 140.942 kg, giá trị 3.946.376.000 đồng.

+ Hợp đồng kinh tế số XND0206/PA ngày 02/6/2016 bán hàng cho "G"; địa chỉ: Hương Lộ 2, B, Thành phố Hồ Chí Minh; mặt hàng Inox chủng loại 410, số lượng 217.518 kg, giá trị là 6.114.849.000 đồng.

+ Hợp đồng kinh tế số 0306/PA ngày 03/6/2016 ký với cơ sở Inox T; địa chỉ: M, B, Thành phố Hồ Chí Minh; do Nguyễn Thị Tr làm đại diện; bán hàng Inox chủng loại 410; số lượng 174.606 kg; giá trị 4.923.820.000 đồng.

+ Hợp đồng kinh tế số XND0606/PA ngày 06/6/2016 bán cho chị Ph; địa chỉ: Bình Dương; đại diện là Nguyễn Thị Th; bán hàng Inox chủng loại 410; số lượng 109.915 kg; giá trị 3.143.787.000 đồng.

Sau khi làm giả các hợp đồng trên, Hà Thị Ánh S lập các lệnh xuất hàng, phiếu xuất kho, bảng đối chiếu công nợ rồi ký giả chữ ký khách hàng (Lệnh xuất hàng 18/6/2016, Lệnh xuất hàng ngày 21/8/2016, Lệnh xuất hàng ngày 09/6/2016, Phiếu xuất kho ngày 21/8/2016, Phiếu xuất kho ngày 22/7/2016 Bảng đối chiếu công nợ ngày 31/8/2016....) để Công ty P tin tưởng những hợp đồng đó là có thật và đã xuất hàng theo đúng hợp đồng. Những người mua hàng của S đều khai việc mua bán hàng với Hà Thị Ánh S chỉ thỏa thuận qua điện thoại hoặc bằng miệng, không ký các hợp đồng kinh tế nêu trên với Công ty P, lời khai của họ phù hợp với lời khai nhận của Hà Thị Ánh S; mặt khác, những thông tin về đối tác ký kết các hợp đồng này cũng không phù hợp với thông tin của doanh nghiệp/hộ kinh doanh trên thực tế. Kết quả điều tra cho thấy tổng số tiền Hà Thị Ánh S phải thu nộp về công ty P là 77.528.300.724 đồng (gồm: 64.154.827.983 đồng là tiền S tự ý xuất hàng để bán, 13.373.472.741 đồng là công nợ đầu kỳ S phải thu của các khách hàng). Tuy nhiên, bị cáo S chỉ nộp về công ty P 39.127.209.593 đồng.

Qua đối chiếu sổ sách chứng từ, công nợ với một số khách hàng như: Hộ kinh doanh Hồ Quốc V (cửa hàng K, ông Hồ Quốc V trực tiếp kinh doanh), Hộ kinh doanh Cơ sở tiện S (ông Nguyễn Thanh D trực tiếp kinh doanh), Công ty TNHH Sản xuất Cơ khí Thương mại Dịch vụ T (ông Dương Văn S trực tiếp kinh doanh) xác nhận còn nợ Công ty P số tiền 6.132.902.300 đồng. Sau đó, Công ty P đã thu hồi được số tiền 1.784.346.500 đồng (gồm: thu hồi từ các khách hàng: Inox H 346.002.000 đồng, Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại L 228.143.500 đồng, Công ty Thép Đ với 400.000.000 đồng; và ông Nguyễn Văn Q trả lại 38.581 kg thép không gỉ còn lại do S gửi ở kho Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại L, trị giá 810.201.000 đồng.

Như vậy, kết quả điều tra xác định: trong thời gian từ tháng 01/2016 đến 8/2016 Hà Thị Ánh S đã chiếm đoạt của Công ty P tổng số tiền là 30.483.842.331 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 376/2018/HSST ngày 22 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Hà Thị Ánh S phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Hà Thị Ánh S 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý tài sản và án phí, quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 05/11/2018, bị cáo Hà Thị Ánh S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hà Thị Ánh S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội. Bị cáo chiếm đoạt số tiền đặc biệt lớn 30.483.842.331 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử phạt bị cáo 18 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù bị cáo đưa ra các tình tiết giảm nhẹ nhưng cấp sơ thẩm đã áp dụng nên không có cơ sở nào để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo đúng tội danh, tuy nhiên mức án quá nặng, chưa xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như bị cáo đầu thú. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, g khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Hà Thị Ánh S được Công ty P giao nhiệm vụ bán hàng, thu hồi công nợ và quản lý kho hàng đối với mặt hàng thép không gỉ. Trong quá trình làm việc, lợi dụng sơ hở trong quản lý việc bán hàng của Công ty P, từ tháng 01/2016 đến tháng 8/2016, bị cáo đã tự ý lấy hàng của công ty có trong kho để bán mà không có hợp đồng kinh tế, không có lệnh xuất hàng. Sau đó, bị cáo dùng tiền bán hàng để chi trả nợ và tiêu xài cá nhân, chỉ chuyển một phần về Công ty P để Công ty tin tưởng. Đến tháng 5/2016, do lấy lượng hàng lớn để bán mà không

có tiền để trả về nên bị cáo đã làm giả các Hợp đồng kinh tế, lệnh xuất hàng và phiếu xuất kho, tự ý ký vào phần người nhận hàng nhằm che giấu Công ty. Tháng 8/2016, Công ty P tiến hành kiểm kê hàng thất thoát thì bị cáo bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Tổng giá trị hàng hóa bị cáo chiếm đoạt của Công ty P là 30.483.842.331 đồng.

Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Hà Thị Ánh S về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị đặc biệt lớn. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục một phần hậu quả, từ đó xử phạt bị cáo mức hình phạt 18 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Mặc dù tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo đưa ra các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo đầu thú, gia đình có công với cách mạng. Tuy nhiên, do số tiền bị cáo chiếm đoạt đặc biệt lớn, bị cáo không cung cấp được tài liệu chứng minh gia đình bị cáo có công với cách mạng nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo kháng cáo cho rằng bị cáo còn một số tài sản khác để khắc phục hậu quả như giá trị quyền sử dụng đất tại khu dân cư V, tiền gửi tại Công ty T… Đây là những tài sản do bị cáo phạm tội mà có và đã bị kê biên. Hơn nữa, từ sau khi xét xử sơ thẩm đến nay, bị cáo không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã khắc phục thêm hậu quả cũng như các tình tiết giảm nhẹ khác. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3] Bị cáo Hà Thị Ánh S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Thị Ánh S. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 376/2018/HS-ST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Hà Thị Ánh S phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Hà Thị Ánh S 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/12/2016.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hà Thị Ánh S phải chịu 200.000 đồng.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thành Văn **Trần Xuân Minh** **Trần Thị Thu Thủy**